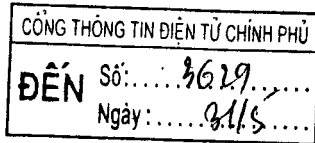


Số: 712 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2010



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình quốc gia
“Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” (sau đây gọi tắt là Chương trình), với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ.

2. Nhà nước tạo nền tảng, hỗ trợ cho việc nâng cao năng suất và chất lượng. Doanh nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Các nhiệm vụ của Chương trình được lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển liên quan đến nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát:

a) Xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; phát triển nguồn lực cần thiết để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất và chất lượng của các sản phẩm, hàng hoá chủ lực, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2010 - 2015:

- Xây dựng mới 4.000 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), bảo đảm đồng bộ các TCVN cho các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của nền kinh tế; 45% TCVN của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực;

- Quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với 100% các nhóm sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường;

- Thiết lập mạng lưới tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hoá chủ lực;

- Xây dựng phong trào năng suất và chất lượng tại 40 tỉnh, thành phố trong cả nước;

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất và chất lượng; tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá tại các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực;

- 40.000 doanh nghiệp được hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng;

- 40% doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực xây dựng và thực hiện các dự án nâng cao năng suất và chất lượng;

- Góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) lên 30% vào năm 2015.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Xây dựng mới 2.000 TCVN; 60% TCVN của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực;

- 100% phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực đạt trình độ quốc tế;

- 60.000 doanh nghiệp được hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng;

- Xây dựng phong trào năng suất và chất lượng tại tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước;

- 100% doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực xây dựng và thực hiện các dự án nâng cao năng suất và chất lượng;

- Góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) lên ít nhất 35% vào năm 2020.

III. NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đầy đủ cho tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, cập nhật với tiến bộ của khoa học và công nghệ, hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng đủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các nhóm sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh và ô nhiễm môi trường. Phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hệ thống thông tin cảnh báo trong nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa kết nối với hệ thống cảnh báo quốc tế.

2. Xây dựng mạng lưới tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hoá chủ lực. Tăng cường năng lực của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đạt chuẩn mực quốc tế. Đầu tư xây dựng các phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá đạt trình độ quốc tế đáp ứng yêu cầu đánh giá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm, hàng hoá chủ lực. Triển khai hoạt động thừa nhận lẫn nhau các kết quả đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ở các cấp độ.

3. Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất và chất lượng. Đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất và chất lượng tại các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về năng suất và chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, người lao động trong các doanh nghiệp. Đưa nội dung năng suất và chất lượng vào chương trình đào tạo của các trường dạy nghề, quản lý, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ....

4. Tổ chức hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về năng suất và chất lượng; xây dựng phong trào năng suất và chất lượng tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Hướng dẫn doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ

thuật và đổi mới công nghệ; áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng. Tổ chức áp dụng tích hợp các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tối ưu cho một số doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh quốc tế.

5. Xác định sản phẩm, hàng hoá chủ lực của nền kinh tế. Xác định yêu cầu chất lượng sản phẩm, hàng hoá đáp ứng nhu cầu của thị trường. Lựa chọn các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực xây dựng và thực hiện dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, địa phương, doanh nghiệp.

6. Đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hoá; đo lường năng suất của nền kinh tế, ngành kinh tế, doanh nghiệp.

IV. CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: “Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”

a) Nội dung: Xây dựng và phổ biến áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển mạng lưới tổ chức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đầu tư xây dựng các phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì; các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phối hợp thực hiện.

2. Dự án 2: “Thúc đẩy hoạt động năng suất và chất lượng”

a) Nội dung: Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về năng suất và chất lượng; phổ biến áp dụng hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp; đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hoá; đo lường năng suất của nền kinh tế, ngành kinh tế, doanh nghiệp;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì; các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội ngành nghề phối hợp thực hiện.

3. Dự án 3: “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của ngành Công nghiệp”

a) Nội dung: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá chủ lực thuộc lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, doanh nghiệp; đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất để nâng cao chất lượng, hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị gia tăng, giá trị nội địa trong sản phẩm công nghiệp;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Công Thương chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội ngành nghề phối hợp thực hiện.

4. Dự án 4: “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Nông nghiệp”

a) Nội dung: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, doanh nghiệp; ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, kỹ thuật canh tác và ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi mới cho năng suất, chất lượng cao; ứng dụng, đổi mới công nghệ trong khai thác, sơ chế, bảo quản, chế biến sâu, tăng giá trị sản phẩm, hàng hoá nông - lâm - thủy sản xuất khẩu chủ lực;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Hiệp hội ngành nghề phối hợp thực hiện.

5. Dự án 5: “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Thông tin và Truyền thông”

a) Nội dung: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực thuộc lĩnh vực sản xuất thiết bị thông tin và truyền thông trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, doanh nghiệp; tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng thiết bị thông tin và truyền thông; nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm tổng đài, thiết bị đầu cuối đạt tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp thực hiện.

6. Dự án 6: “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Xây dựng”

a) Nội dung: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực thuộc lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, doanh nghiệp; sử dụng công nghệ tiên tiến, lựa chọn thiết bị phù hợp nhằm bảo đảm sản xuất sản phẩm đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu, đồng thời tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, giảm chi phí nhiên liệu và thân thiện với môi trường;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Hiệp hội ngành nghề về xây dựng phối hợp thực hiện.

7. Dự án 7: “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Y tế”

a) Nội dung: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực thuộc lĩnh vực sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế, dược phẩm, trang thiết bị và vật tư y tế trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, doanh nghiệp; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc y học cổ truyền, vắc xin, sinh phẩm, trang thiết bị y tế thiết yếu; đầu tư, tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng thuốc, dược liệu đạt trình độ quốc tế phục vụ sản xuất, xuất nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Y tế chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp thực hiện.

8. Dự án 8: “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Giao thông vận tải”

a) Nội dung: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực thuộc lĩnh vực sản xuất phương tiện, thiết bị giao thông trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, doanh nghiệp; đầu tư, tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng sản phẩm chuyên ngành; đổi mới công nghệ; ứng dụng các công nghệ đồng bộ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm, hàng hóa chủ lực với tỷ lệ nội địa hoá cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc tương đương với chất lượng sản phẩm cùng loại của nước ngoài;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Giao thông vận tải chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương phối hợp thực hiện.

9. Dự án 9: “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương”

a) Nội dung: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực của địa phương trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của địa phương, doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp khai thác thông tin về tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ, thông tin về sở hữu công nghiệp để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh; thay thế công nghệ lạc hậu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, làm chủ công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam;

b) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp thực hiện.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được huy động từ các nguồn vốn:

- Nguồn vốn của doanh nghiệp là chủ yếu để ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ; đầu tư, tăng cường năng lực đo lường, thử nghiệm phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ quản lý trong doanh nghiệp; áp dụng hệ thống quản lý tại doanh nghiệp;

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hỗ trợ việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước; đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất, chất lượng tại các Bộ, ngành, địa phương; thông tin tuyên truyền; phổ biến, vận động thực hiện phong trào năng suất, chất lượng; hướng dẫn áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng cho các doanh nghiệp và các nội dung khác;

- Các nguồn vốn khác.

b) Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung Chương trình, dự án được phê duyệt, các Bộ, ngành, địa phương dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Giải pháp về tổ chức và nhân lực:

a) Xây dựng mạng lưới các tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên phạm vi toàn quốc;

b) Đào tạo đội ngũ giảng viên, chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất và chất lượng tại các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

3. Giải pháp về hợp tác quốc tế:

a) Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế để đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Tranh thủ sự hợp tác quốc tế để hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ cho triển khai các hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

c) Ký kết các thỏa thuận song phương thừa nhận lẫn nhau các kết quả đánh giá sự phù hợp ở cấp độ quốc gia.

4. Điều hành Chương trình:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Ban Điều hành Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Trưởng ban; thành viên là đại diện các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Giao thông vận tải, Y tế;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) là cơ quan thường trực của Ban Điều hành Chương trình.

VI. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình, điều hành hoạt động của Chương trình và thực hiện các dự án được phân công;

b) Tham gia ý kiến với các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các dự án thuộc phạm vi Chương trình;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện Chương trình.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Các Bộ, ngành chủ trì dự án thuộc Chương trình có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng dự án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Lồng ghép các dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các dự án thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện;

c) Tổ chức thực hiện dự án; định kỳ hàng năm tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện dự án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng và phê duyệt dự án theo nội dung của Chương trình sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các dự án thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện;

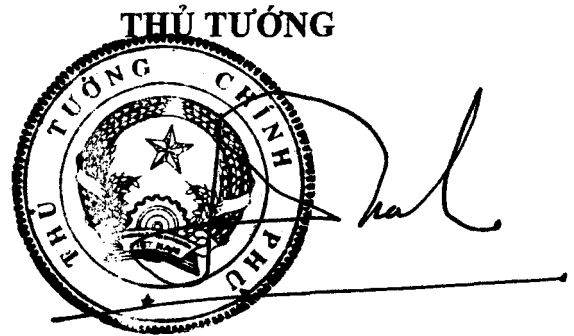
c) Tổ chức thực hiện dự án; định kỳ hàng năm tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện dự án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT;
các Vụ: KTTH, KTN, TH, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). Trang 122



Nguyễn Tấn Dũng